

Bản án số: 216/2019/HS-ST
Ngày 25-6-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kim Loan

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Nam

2. Bà Hàn Hòa Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Đông - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý 213/2019/HSST ngày 22 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2358/2019/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Daniel C (tên gọi khác: Nwachukwu D); giới tính: nam; quốc tịch: Nigeria; sinh ngày 15 tháng 02 năm 1989 tại: Nigeria; địa chỉ đăng ký tại Nigeria: số E, G, I, K, Nigeria; trình độ văn hóa: trung học (bị cáo khai tại phiên tòa: tương đương 9/12); con ông: M.N và bà: N.N; hoàn cảnh gia đình: bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày: 12/10/2017 (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo:

Ông LQV, thuộc Công ty Luật TNHH một thành viên G, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo (có mặt).

- Bị hại:

Công ty CP xuất nhập khẩu Thủy sản A

Địa chỉ trụ sở chính: số E1 đường THĐ, phường G1, thành phố I1, tỉnh An Giang

Đại diện theo pháp luật:

Ông NVK, sinh năm: 1958

Thường trú: số E2 đường XVNT, Phường G2, quận I2, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền:

Ông POK1, sinh năm: 1963 (có mặt)

Chức vụ: Trợ lý tổng giám đốc Công ty CP xuất nhập khẩu Thủy sản A

Địa chỉ: số E1 đường THĐ, phường G1, thành phố I1, tỉnh An Giang

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà VTNH, sinh năm: 1988 (vắng mặt).

Thường trú: số E3 đường ND, Phường G3, quận I3, Thành phố Hồ Chí Minh

Chỗ ở: số E4 QL, Phường G4, quận I2, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Người phiên dịch:*

Ông VHT – thuộc Công ty TNHH dịch thuật PT (địa chỉ: 115/8 Lê Văn Sỹ, Phường 13, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh) (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/9/2017, Công ty CP xuất nhập khẩu Thủy sản A (tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: A Fisheries Import & Export Joint Stock Company; tên công ty viết tắt: A. Co; địa chỉ trụ sở chính: số E1 đường THĐ, phường G1, thành phố I1, tỉnh An Giang) (sau đây gọi là Công ty Thủy sản A) ký kết Hợp đồng mua bán thủy sản các loại số 39/2017AGF-DAH trị giá 48.450 USD (Hợp đồng 39) và số 40/2017AGF-DAH trị giá 53.485 USD (Hợp đồng 40) với Công ty DCH LTD (Công ty DCH), trụ sở tại tầng 8, 20 Kai Cheung Road, Kowloon Bay, Kowloon Hong Kong. Theo đó, phương thức thanh toán là “D/P at sight” (giao tiền thì giao chứng từ). Bên mua hàng là Công ty DCH sẽ chuyển khoản thông qua ngân hàng HS vào số tài khoản 100001284457, chủ tài khoản là Công ty Thủy sản A, mở tại Ngân hàng BIDV.

Thực hiện hợp đồng, Công ty Thủy sản A đã tiến hành giao hàng và tàu rời cảng Thành phố Hồ Chí Minh vào các ngày 06/10/2017, 09/10/2017. Chiều ngày 10/10/2017, Công ty Thủy sản A nhận được email của Daniel (ghi nhận là nhân viên Công ty DCH) gửi cho người nhận là PU (email: phiuyen@gmail.com, có đính kèm lệnh chuyển tiền 48.450 USD và Invoice số 38/2017) thông báo xem lại lệnh chuyển tiền đính kèm. Sau khi kiểm tra, Công ty Thủy sản A phát hiện thông tin tài khoản và tên người thụ hưởng của Ngân hàng HS do Công ty DCH gửi đã bị thay đổi, từ người thụ hưởng là Công ty CP xuất nhập khẩu Thủy sản A, số tài khoản 100001284457 thay đổi thành người thụ hưởng VTNH, số tài khoản 13510000880259; phương thức thanh toán trên invoice bị chỉnh sửa từ D/P at sight (giao tiền giao chứng từ) thành TT (thanh toán tiền bằng điện). Công ty Thủy sản A đã liên lạc với Công ty DCH (người liên hệ: Ông N – Trợ lý Tổng giám đốc) để thông báo vụ việc, yêu cầu phía Công ty DCH thông báo cho Ngân hàng HS hủy lệnh chuyển tiền của hai hợp đồng này, đề nghị Ngân hàng B không giải ngân số tiền Công ty DCH đã

chuyển. Ngày 11/10/2017 Công ty Thủy sản A có Đơn tố cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL 24).

Tuy nhiên, khoản tiền 48.450 USD của Hợp đồng số 39 mà Công ty DCH chuyển vào Ngân hàng B ngày 10/10/2017, theo yêu cầu của đối tượng cho người thụ hưởng VTNH đã được bà H rút ra 48.306 USD tại Ngân hàng B – Chi nhánh Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 10/10/2017.

Cũng trong ngày 10/10/2017, khi Công ty DCH tiếp tục chuyển 53.485 USD của Hợp đồng số 40 thì bị phát hiện. Lúc 08 giờ ngày 12/10/2017, Ngân hàng B – Chi nhánh Gia Định có báo vào tài khoản thanh toán của VTNH số tiền là 53.485 USD đề nghị rút 1.200.000.000 đồng tiền mặt và phía Ngân hàng B đã chi tiền cho khách hàng. Cùng ngày, Daniel C bị Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh bắt khẩn cấp khi đang nhận 1.200.000.000 đồng từ VTNH.

Tại Cơ quan điều tra, Daniel C khai nhận:

Qua giới thiệu của người bạn Nigeria, Daniel biết đối tượng tự xưng là White, đang sinh sống tại Campuchia, sử dụng số điện thoại: +85569486894, liên lạc qua phần mềm WhatsApp. Ngày 10/10/2017, vào khoảng 16 giờ 30 phút, theo chỉ đạo của White, Daniel đi gặp Hân lần đầu tiên nhận 47.700 USD. Khoảng 18 giờ 00 cùng ngày, Daniel giao số tiền trên cho một đồng hương Nigeria khác (không rõ nhân thân, lai lịch) tại khách sạn Quỳnh Trang và được trả công 200 USD. Lần thứ hai, ngày 12/10/2017, Daniel tiếp tục đi gặp bà H nhận 1.200.000.000 đồng thì bị Cơ quan chức năng phát hiện, lập biên bản, bắt giữ. Ban đầu, Daniel thừa nhận biết nguồn gốc số tiền trên là do phạm tội mà có, vì cần tiền sinh hoạt, Daniel vẫn đi nhận cho White. Tuy nhiên, sau đó bị cáo đã thay đổi lời khai, không thừa nhận việc biết số tiền này là phạm pháp.

VTNH khai: khoảng tháng 8/2017, qua mạng xã hội Tango, bà H quen với một người tự xưng là W.E.D (D), quốc tịch Mỹ, đang công tác tại Campuchia. D hứa hẹn sẽ kết hôn, yêu cầu bà H mở tài khoản tại Ngân hàng B để tiện xin Visa sang Mỹ sau này nên H tin và làm theo. Đến cuối tháng 9/2017, D nhờ H nhận 48.450 USD chuyển từ Hong Kong về và giao cho Charles là bạn D hiện ở Việt Nam. Việc giao nhận lần đầu thành công. Đến ngày 11/10/2017, D tiếp tục nhờ bà H nhận 1.200.000.000 đồng giao cho Charles. Ngày 12/11/2017, khi bà H đang giao tiền cho Charles (chính xác là Daniel) thì bị cơ quan chức năng phát hiện. Cả hai lần đều giao nhận tại Cửa hàng McDonal's số 2-2A Trần Hưng Đạo, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1. H tự nguyện giao nộp 600 USD – tiền D cho H cho Cơ quan điều tra.

Xác minh tại Cửa hàng McDonal's số 2-2A Trần Hưng Đạo, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, có sự việc H giao tiền cho Daniel như đối tượng khai nhận (trích xuất Camera tại cửa hàng kèm theo, BL 218-219). Việc giao nhận tiền của H và Daniel ngày 10/10/2017 trong khoảng 16 giờ 30 phút đến 16 giờ 35 phút.

Đại diện Công ty Thủy sản A trình bày sự việc như đã nêu trên và xác định VTNH, Daniel C đều không phải là nhân viên công ty.

Bà NTVT (phụ trách các công việc bán hàng của Công ty Thủy sản A) khai: trong quá trình làm việc qua email liên hệ bán hàng giao dịch với khách hàng, T sử dụng địa chỉ email do công ty quản lý: thy.ntv@agifish.com.vn (địa chỉ này T đã sử dụng nhiều năm). T vẫn giao dịch bình thường với những khách hàng khác của công ty và không nhận thấy bất thường nào trong tài khoản email của T. Đến ngày 10/10/2017, T nhận được thông báo khách hàng đã chuyển tiền đề nghị cung cấp bộ chứng từ để nhận hàng thì phát hiện địa chỉ email đã bị đối tượng xâm nhập. Đối tượng dùng địa chỉ email của T để gửi email cho khách hàng báo thay đổi tên thụ hưởng, phương thức thanh toán như nêu trên.

Công ty viễn thông di động Mobifone xác nhận, số thuê bao 01203515281 được đăng ký chủ thuê bao là Daniel C, nhập ngày 04/8/2017, đồng thời cung cấp chi tiết các cuộc gọi đi và đến từ tháng 8/2017 đến tháng 10/2017 của thuê bao này (BL 221-225).

Tại bản Cáo trạng số 419/CT-VKS-P3 ngày 09/10/2018 và Công văn số 122/VKS-P3 ngày 26/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Daniel C về “Tội Sử dụng mạng Internet thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 290 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Daniel C khai nhận diễn biến vụ án như nội dung bản Cáo trạng ghi nhận; bị cáo đề nghị được xem xét hoàn cảnh khó khăn và là người nước ngoài đến Việt Nam để kinh doanh, do tin tưởng đối tượng White nên đã 02 lần đến nhận số tiền từ bà H chứ bị cáo không có ý chiếm đoạt số tiền trên... để được xử phạt mức hình phạt khoan hồng.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố; cho rằng lời khai tại phiên tòa của bị cáo là không có căn cứ vì các lý do sau: bị cáo không biết và chưa từng gặp White nhưng lại được White giao cho việc đi nhận một số tiền lớn từ bà VTNH, cũng là người mà trước đó bị cáo chưa từng gặp; bị cáo không phải là nhân viên Công ty Thủy sản A, không liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty nhưng biết rõ số tiền có giá trị rất lớn mà vẫn nhận và không chứng minh được số tiền này hiện đã giao cho ai; do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với số tiền bị chiếm đoạt là số tiền đã nhận 02 lần từ bà H, cụ thể: 1.071.675.900 đồng (tương đương 47.700 USD) và 1.200.000.000 đồng. Sau khi phân tích tính chất, mức độ của hành vi phạm tội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Daniel C từ 14 đến 15 năm tù về “Tội Sử dụng mạng Internet thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”. Ngoài ra, Kiểm sát viên cũng xác định Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã chuyển trả số tiền 1.212.000.000 đồng cho Công ty Thủy sản A, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết phân trách nhiệm dân sự còn lại của bị cáo đối với Công ty Thủy sản A và xử lý phần tang vật theo quy định pháp luật.

Đại diện Công ty Thủy sản A xác định Công ty đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh chuyển trả số tiền 1.212.000.000 đồng, hiện Công ty có yêu cầu được nhận lại số tiền tương đương với 48.450 USD theo Hợp đồng 39.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc việc bị cáo Daniel C không được trợ giúp pháp lý từ khi bị khởi tố, bị bắt tạm giam nên khó kiểm chứng sự thật khách quan của các lời khai ban đầu; Luật sư cũng đề nghị xem xét việc bị cáo đã thành khẩn thừa nhận là người trực tiếp nhận số tiền mà bản Cáo trạng truy tố nhưng cho rằng sự việc xảy ra chỉ vì bị cáo tin tưởng vào các đối tượng khác; bị cáo không phải là người truy cập vào tài khoản bị hại; bị cáo chưa hiểu biết về pháp luật Việt Nam để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Về lý lịch của bị cáo:

Tại Công văn số 122/VKS-P3 ngày 26/12/2018 (BL 342), Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định Daniel C và Nwachukwu D đều là tên của một người. Một số tài liệu Daniel C viết họ trước, tên sau theo tập quán tại Nigeria. Quá trình điều tra đã xác định đây là tên, họ của một cá nhân (vụ án bắt quả tang) và trong thời gian điều tra, bị cáo đều xác định họ tên này cũng như địa chỉ, lý lịch bị can chỉ có một địa chỉ duy nhất.

Bên cạnh đó, Công văn số 4101/PC03 (Đ 9) ngày 11/9/2018 (BL 274), Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định đã nhiều lần đề nghị Phòng Lãnh sự - Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh hỗ trợ xác minh lý lịch của bị cáo tại các Công văn số 3963/CV-PC46 (Đ 9) ngày 20/10/2017, Công văn số 403/CV-PC46 (DD) ngày 01/02/2017, Công văn số 989/CV-PC46 (Đ 9) ngày 28/3/2018 nhưng đến nay vẫn chưa có phản hồi. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở xác định về nhân thân của bị cáo tại Nigeria.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định lý lịch bị cáo như phần đầu bản án ghi nhận.

[2] Quá trình điều tra thể hiện số thuê bao 01203515281 được đăng ký chủ thuê bao là Daniel C, bị cáo cũng thừa nhận đây là số điện thoại của mình. Đây cũng là số điện thoại liên lạc với bà VTNH để nhận tiền cả 02 lần (lần 01 vào ngày 10/10/2017: nhận 47.700 USD và lần 02 vào ngày 12/10/2017 là

1.200.000.000 đồng). Bị cáo là người trực tiếp nhận 47.700 USD từ bà H, sau đó, bị cáo không giải thích, chứng minh được số tiền nhận được đã giao cho ai; sau đó, khi tiếp tục đến nhận 1.200.000.000 đồng từ bà H thì bị cáo bị cơ quan chức năng phát hiện, lập biên bản bắt giữ.

Như vậy, quá trình điều tra phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu được và phù hợp với lời khai ban đầu của bị cáo, dữ liệu camera, dữ liệu tin nhắn điện thoại... Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bị cáo Daniel C đã có hành vi truy cập bất hợp pháp vào email của Công ty Thủy sản A, thay đổi tài khoản thụ hưởng và số tài khoản từ Công ty Thủy sản A vào tài khoản của bà VTNH, thay đổi phương thức thanh toán trên hợp đồng để Công ty DCH chuyển tiền mua hàng nhằm chiếm đoạt tiền bán hàng của Công ty Thủy sản A tiêu xài cá nhân. Hành vi nêu trên của Daniel C đã phạm "Tội Sử dụng mạng Internet thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 290 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quản lý nhà nước về an ninh, trật tự công nghệ viễn thông và quyền sở hữu hợp pháp của công dân vốn được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội.

Hồ sơ vụ án thể hiện vào ngày 10/10/2017, tỷ giá trung tâm của Đồng Việt Nam với Đô la Mỹ là 22,467 VND/USD (Bảng tỷ giá ngoại tệ số 192/2017/TG-KHTC ngày 10/10/2017 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Gia Định - BL 353), từ đó, có cơ sở xác định giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt lần 01 là 1.071.675.900 đồng (= 47.700 USD x 22.467 đồng).

Do tổng số tiền bị chiếm đoạt là 2.271.675.900 đồng (= 1.071.675.900 đồng + 1.200.000.000 đồng), thuộc trường hợp được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 290 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 02 lần, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết xử phạt mức án nghiêm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Daniel C tỏ ra ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm cho bị cáo một phần hình phạt theo quy định.

[3] Đối với bà VTNH: quá trình điều tra xác định bà H không biết, không liên lạc thỏa thuận và không tham gia giúp sức cho hoạt động phạm tội của bị cáo và đối tượng W.E.D ở Campuchia. D hứa hẹn sẽ về Việt Nam làm đám cưới nên bà H tin tưởng mở tài khoản tại Ngân hàng B để tiện sau này xin visa trong việc D đưa bà H sang Mỹ thăm gia đình. Vì tin tưởng số tiền do một người bạn của D ở Hong Kong chuyển về là tiền hợp pháp nên bà H nhận lời nhận giúp và chuyển cho bị cáo theo yêu cầu của D. Do đó, Cơ quan điều tra không có cơ sở xác định bà H biết rõ, giúp sức các đối tượng thực hiện hành vi phạm tội nên không xem xét xử lý trong vụ án này.

[4] Đối với các số tiền liên quan đến vụ án và trách nhiệm bồi thường dân sự:

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ, thu hồi đối với:

- Số tiền 3.000.000 đồng và 200 USD (do Daniel C giao nộp), bị cáo cho biết 200 USD là tiền do đối tượng White trả công, 3.000.000 đồng là tiền tiêu xài cá nhân của bị cáo.

- Số tiền 600 USD và 12.000.000 đồng, là số tiền bà VTNH được nhận từ vụ án nên tự nguyện nộp cho Cơ quan điều tra (Đơn xin nộp tiền ngày 16/10/2017 – BL 215);

- Số tiền 1.200.000.000 đồng do bị cáo và bà H giao nộp ngày 12/10/2017.

Trong đó, số tiền 1.200.000.000 đồng và 3.000.000 đồng được thể hiện tại Giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 08/11/2017 của Kho bạc Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (BL 371); số tiền 200 USD và 600 USD được thể hiện tại Giấy chứng nhận nộp tiền số HD – Invoice No: 221117.2770.0008 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (BL 332); số tiền 12.000.000 đồng được thể hiện theo Quyết định thu hồi vật chứng số 671-17b ngày 06/11/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL 335).

Theo đó:

- Trên cơ sở yêu cầu của Công ty Thủy sản A (Công văn số 10/CVCDTS ngày 21/3/2018 – BL 86), Cơ quan điều tra đã có Quyết định xử lý vật chứng số 671-16 ngày 23/3/2018 và Công văn số 243/CV-PC46 (Đ 9) ngày 26/3/2018 (BL 275a, 275), nội dung: trả lại số tiền 1.212.000.000 đồng (gồm 1.200.000.000 đồng và 12.000.000 đồng) cho Công ty Thủy sản A bằng hình thức chuyển khoản (Ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử lập ngày 29/3/2018 của Kho bạc Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh – BL 336).

Tại phiên tòa, đại diện bị hại xác định Công ty Thủy sản A đã nhận số tiền 1.212.000.000 đồng nêu trên, hiện Công ty có yêu cầu bị cáo Daniel C tiếp tục bồi thường số tiền tương đương với 48.450 USD theo Hợp đồng 39. Bị cáo đồng ý bồi thường đối với giá trị tiền Việt Nam đồng tương đương số tiền 47.700 USD đã thực tế nhận từ bà H, số tiền USD chênh lệch còn lại bị cáo không được nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên của đại diện Công ty Thủy sản A có một phần chính đáng, có căn cứ, bị cáo tự nguyện bồi thường số tiền đã chiếm đoạt nên ghi nhận, buộc bị cáo Daniel C có nghĩa vụ bồi thường số tiền 1.071.675.900 đồng (= 47.700 USD x 22.467 đồng) cho Công ty Thủy sản A.

Riêng số tiền USD chênh lệch còn lại: Hội đồng xét xử xét thấy bà H đã tự nguyện nộp 12.000.000 đồng và 600 USD (nhận được từ vụ án) cho Cơ quan điều tra; bà H là người trực tiếp nhận tiền do Công ty DCH và chuyển lại cho bị cáo nên số tiền 12.000.000 đồng và 600 USD cần được giao trả cho bị hại. Trong số tiền bà H nộp, 12.000.000 đồng đã được chuyển trả cho Công ty Thủy

sản A (trong tổng số tiền số tiền 1.212.000.000 đồng) như đã nêu; hiện số tiền bà H nộp còn lại 600 USD (trong 800 USD theo Giấy chứng nhận nộp tiền số HD – Invoice No: 221117.2770.0008 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh), Hội đồng xét xử giao trả số tiền 600 USD này cho Công ty Thủy sản A.

- Số tiền 3.000.000 đồng: bị cáo khai là tiền tiêu xài cá nhân của bị cáo, không liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử giao trả cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 200 USD (trong 800 USD theo Giấy chứng nhận nộp tiền số HD – Invoice No: 221117.2770.0008 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh): bị cáo khai là tiền công đối tượng White trả cho bị cáo nên Hội đồng xét xử tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[5] Về tài sản, tài liệu khác bị thu giữ:

- 01 usb đã qua sử dụng chứa email giao dịch của Công ty Thủy sản A và đối tác tại Hồng Kông (hiện đang lưu tại hồ sơ vụ án tại BL 219): do là chứng cứ trực tiếp chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử không xử lý.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus đã qua sử dụng (thu giữ từ bà VTNH): ngày 07/5/2018 tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã giao trả cho bà H (Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu – BL 341).

- 01 điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Philips (Biên bản giao nhận tang tài vật thể hiện được niêm phong trong 01 gói niêm phong);

- Đối với hộ chiếu bản chính số A05185108 mang tên Daniel C, sinh ngày 15/02/1989, thể hiện được Cộng hòa liên bang Nigeria cấp ngày 07/01/2014 Biên bản bàn giao (hộ chiếu) ngày 15/10/2018 tại Cục A08 – Bộ Công an: Cơ quan điều tra đã bàn giao cho Cục A08 - Bộ Công an để tiếp nhận và xử lý theo thẩm quyền (Biên bản bàn giao (hộ chiếu) ngày 15/10/2018 – BL 339).

[6] Đối với vấn đề người bào chữa tham gia tố tụng, vụ án được khởi tố trong thời gian Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 có hiệu lực pháp luật (Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 671-01 ngày 19/10/2017 (BL 1) và Quyết định khởi tố bị can số 748-50 ngày 19/10/2017 (BL 2) của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh), theo đó, quy định về những trường hợp bắt buộc phải có người bào chữa được thực hiện theo khoản 2 Điều 57 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo xuyên suốt toàn bộ vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có Quyết định trả hồ sơ bổ sung số 34/2019/HSST-QĐ ngày 26/3/2019 (BL 347-348), nội dung: đề nghị tiến hành thủ tục cử người bào chữa cũng như chứng kiến biên bản hỏi cung đối với bị cáo. Thực hiện yêu cầu này, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã có Thông báo về việc đăng ký bào chữa số 1920 ngày 08/4/2019 (BL 358) cũng như người bào chữa đã chứng kiến các Biên bản tự khai và Biên bản hỏi cung đối với Daniel C (BL

360, 361-362); Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cũng đã nêu quan điểm về việc tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự cũng như việc bị cáo giữ nguyên lời khai trước đây tại Công văn số 633/VKS-P3 ngày 18/4/2019 (BL 370). Do đó, quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo đã được đảm bảo theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm bào chữa của Luật sư về nội dung này.

Các lập luận trên đây cũng là căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, một phần quan điểm bào chữa của luật sư.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 290 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

■ Tuyên bố bị cáo Daniel C (Nwachukwu D) phạm “Tội Sử dụng mạng Internet thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Daniel C (Nwachukwu D): 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/10/2017.

■ Buộc bị cáo Daniel C có nghĩa vụ bồi thường số tiền 1.071.675.900 (một tỷ không trăm bảy mươi một triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn chín trăm) đồng cho Công ty CP xuất nhập khẩu Thủy sản A.

■ Giao trả số tiền 600 USD (sáu trăm Đô la Mỹ) (trong tổng số tiền 800 USD (tám trăm Đô la Mỹ)) cho Công ty CP xuất nhập khẩu Thủy sản A.

■ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) gói có điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Philips, model: S337, IMEI: 868042024603717, được niêm phong có chữ ký niêm phong của Daniel C và điều tra viên Nguyễn Phi Dũng đề ngày 12/10/2017; ghi chú: không kiểm tra tình trạng bên trong gói niêm phong;

- Số tiền 200 USD (hai trăm Đô la Mỹ) (trong tổng số tiền 800 USD (tám trăm Đô la Mỹ));

■ Giao trả cho bị cáo Daniel C số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo.

(Tang vật vụ án theo Biên bản giao nhận tang tài vật số 341/19 ngày 26/6/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh – BL 372;

Tiền theo Giấy chứng nhận nộp tiền số HD – Invoice No: 221117.2770.0008 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh

Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 08/11/2017 của Kho bạc Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh – BL 332, 371)

Bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo phải nộp 44.150.277 (bốn mươi bốn triệu một trăm năm mươi nghìn hai trăm bảy mươi bảy) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong, nếu bị cáo chưa thanh toán đủ số tiền nêu trên, thì căn cứ vào Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, hàng tháng bị cáo còn phải chịu thêm khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP. HCM; (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- Cục Thi hành án dân sự; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Trại giam; (1)
- Bị cáo; (1)
- Bị hại; (3)
- Người có QLVNQL; (2)
- Luật sư; (1)
- Thi hành án hình sự; (2)
- Phòng PC 53 - CA Tp. HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (29) (8)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Kim Loan